

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

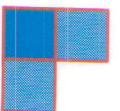
QUÝ II NĂM 2015



LIDECO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

THÁNG 8 NĂM 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30/06/2015

TÀI SẢN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.291.976.926.742	1.255.277.812.159
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		30.368.136.554	87.684.500.522
1. Tiền	V.01	7.040.435.578	9.755.383.859
2. Các khoản tương đương tiền		23.327.700.976	77.929.116.663
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	127.067.698.330	811.953.000
1. Chứng khoán kinh doanh		912.121.740	904.986.855
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh (*)		(149.451.740)	(93.033.855)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		126.305.028.330	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.175.002.224	111.116.806.747
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		10.760.368.291	26.460.534.985
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		15.065.989.986	5.007.780.782
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.03	-	
6. Phải thu ngắn hạn khác		65.348.643.947	79.648.490.980
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	
IV. Hàng tồn kho		1.043.323.649.331	1.055.516.616.136
1. Hàng tồn kho	V.04	1.043.323.649.331	1.055.516.616.136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác		42.440.303	147.935.754
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	16.473.112
2. Thuế GTGT được khấu trừ		42.440.303	114.501.260
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05	-	16.961.382
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác		-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		98.255.194.421	111.742.189.358
I. Các khoản phải thu dài hạn		46.894.381.396	38.417.004.890
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		8.788.020.000	
2. Trả trước cho người bán dài hạn		38.106.361.396	38.417.004.890
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.06	-	
6. Phải thu dài hạn khác		-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	V.07	-	
II. Tài sản cố định		42.088.460.551	44.466.985.580
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	42.088.460.551	44.466.985.580
- Nguyên giá		64.488.541.029	64.712.718.622
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(22.400.080.478)	(20.245.733.042)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	-	
- Nguyên giá		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	

3. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
- Nguyên giá		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	
III. Bất động sản đầu tư	V.12	1.926.233.591	2.676.242.818
- Nguyên giá		3.852.467.145	4.865.896.002
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.926.233.554)	(2.189.653.184)
IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn		6.940.120.000	25.771.920.000
1. Đầu tư vào công ty con		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		3.046.120.000	23.046.120.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.13	26.004.980.980	26.004.980.980
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(22.110.980.980)	(23.279.180.980)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	
VI. Tài sản dài hạn khác		405.998.883	410.036.070
1. Chi phí trả trước dài hạn		405.998.883	410.036.070
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14	-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	
4. Tài sản dài hạn khác	V.21	-	
5. Lợi thế thương mại		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.390.232.121.163	1.367.020.001.517

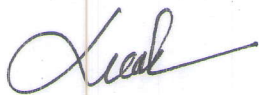
	NGUỒN VỐN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả			508.877.392.477	505.272.645.520
I. Nợ ngắn hạn			199.530.119.105	278.965.706.051
1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15		10.834.960.604	20.750.365.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			57.997.366.287	116.238.347.555
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			63.530.637.351	82.265.872.807
4. Phải trả người lao động	V.16		4.503.072.960	1.574.158.899
5. Chi phí phải trả ngắn hạn			2.544.256.200	4.114.889.096
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	V.17		-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18		46.695.001.276	41.025.667.396
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			-	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			-	
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi			13.424.824.427	12.996.405.196
13. Quỹ bình ổn giá			-	
14. Giao dịch mua bán lại trả phiếu chính phủ			-	
II. Nợ dài hạn			309.347.273.372	226.306.939.469
1. Phải trả dài hạn người bán			-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn			212.809.924.269	135.118.435.000
3. Chi phí phải trả dài hạn			-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			-	
5. Phải trả dài hạn nội bộ dài hạn			-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			30.300.204.547	30.648.787.340
7. Phải trả dài hạn khác	V.20		66.237.144.556	60.539.717.129
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			-	
9. Trãi phiếu chuyển đổi			-	

10. Cổ phiếu ưu đãi		-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.21	-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	
D. Vốn chủ sở hữu (400= 410 + 430)		881.354.728.686	861.747.355.997
I. Vốn chủ sở hữu		881.354.728.686	861.747.355.997
1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.22	636.000.000.000	636.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		636.000.000.000	636.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	
2. Thặng dư vốn cổ phần		8.994.035.440	8.994.035.440
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	
5. Cổ phiếu quỹ (*)		(139.616.197.028)	(139.616.197.028)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển		24.412.808.758	22.607.418.726
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		47.219.574.379	45.416.879.363
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		293.112.887.254	276.981.509.765
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		271.179.034.103	240.305.874.496
- LNST chưa phân phối kỳ này		21.933.853.151	36.675.635.269
12. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản		-	
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		11.231.619.883	11.363.709.731
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
1. Nguồn kinh phí	V.23	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)		1.390.232.121.163	1.367.020.001.517

Lập biểu

Kế toán trưởng

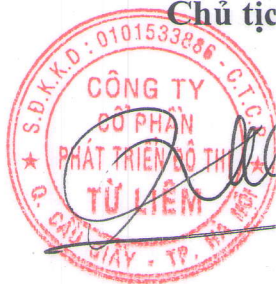
Ngày 10 tháng 08 năm 2015
Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Quân



Đỗ Huy Khải



Nguyễn Văn Kha

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Quý II		Luỹ kế năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	102.240.068.681	59.140.179.267	124.282.108.942	100.051.657.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		102.240.068.681	59.140.179.267	124.282.108.942	100.051.657.752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	70.375.466.591	46.925.786.211	87.412.879.293	80.994.210.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.864.602.090	12.214.393.056	36.869.229.649	19.057.447.072
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.26	704.932.630	1.264.163.750	904.171.955	2.553.579.388
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	(142.895.522)	7.997.012.815	(1.110.811.850)	849.829.483
Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.147.045.046	4.989.151.853	9.526.126.919	9.263.172.020
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.565.385.196	492.392.138	29.358.086.535	11.498.024.957
12. Thu nhập khác	31		142.382.000	41.885.712	545.720.154	924.193.850
13. Chi phí khác	32		1.586.925.217	107.100.073	1.586.925.217	527.839.331
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.444.543.217)	(65.214.361)	(1.041.205.063)	396.354.519
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.120.841.979	427.177.777	28.316.881.472	11.894.379.476
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	5.650.662.969	314.027.408	6.248.010.239	2.914.090.514
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		(197.598.019)		(197.598.019)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.470.179.010	310.748.388	22.068.871.233	9.177.886.981
18.1 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		20.069.986.299	265.471.668	21.933.853.152	9.270.953.046
18.2 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		400.192.711	45.276.720	135.018.081	(93.066.065)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		329	4	360	152
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

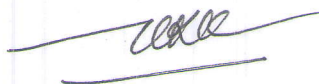
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 08 năm 2015
 Người đại diện theo pháp luật
 Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Quân



Đỗ Huy Khải



 Nguyễn Văn Kha

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp
Quý II năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
			Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	...	143.824.526.049	90.810.949.564	233.182.963.630
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	...	(82.290.414.413)	(73.446.104.964)	(257.836.849.344)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	...	(6.072.267.187)	(9.210.756.478)	(15.006.761.648)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	...	-		(136.000.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	...	(9.541.788.627)	(10.490.639.876)	(10.914.411.645)
6. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	6	...	18.844.534.295	43.193.300.729	76.384.880.084
7. Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	7	...	(123.250.092.089)	(76.519.847.055)	(15.265.171.234)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	...	(58.485.501.972)	(35.663.098.080)	10.408.649.843
II. Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư		...	-		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	-	(1.493.127.272)	(7.816.311.747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	454.779.063	681.818.182	681.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	-		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	-		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	-		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	-	2.750.000.000	20.793.534.687
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	714.358.941	2.273.189.460	3.848.295.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	...	1.169.138.004	4.211.880.370	17.507.336.162
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		...	-		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	-		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	-	(1.528.591.000)	(1.528.591.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	-	(2.142.208.400)	(63.394.505.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	...	-	(3.670.799.400)	(64.923.096.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	...	(57.316.363.968)	(35.122.017.110)	(37.007.110.895)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	...	87.684.500.522	124.691.611.417	124.691.611.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...	-		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	30.368.136.554	89.569.594.307	87.684.500.522

Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân

Kế toán trưởng

Đỗ Huy Khải

Ngày 10 tháng 08 năm 2015
Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Kha

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Quý II năm 2015**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Xây dựng, kinh doanh nhà

3. Ngành nghề kinh doanh

:

- Xây dựng hạ tầng đô thị;
- Tổ chức kinh doanh nhà;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ chung cư.

4. Tổng số các công ty con

:

02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Lideco 2	Tầng 10 nhà CT1, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Lideco 8	Số 11 tổ 40 Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	51,00%	51,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này quy định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

10. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.9.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao hoặc thông báo bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng các căn biệt thự, liền kề được ghi nhận khi khách hàng đã nộp đủ tiền và đã bàn giao nhà cho khách hàng hoặc khách hàng đã nộp đủ tiền mua nhà nhưng chưa đến nhận bàn giao hoặc chưa nộp đủ tiền nhưng đã nhận bàn giao nhà và có đơn xin chậm trả được công ty chấp nhận

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2015****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.040.435.578	2.436.296.791
Các khoản tương đương tiền	23.327.700.976	85.248.203.731
Tiền đang chuyển		
Cộng	30.368.136.554	87.684.500.522

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá hợp lý</u>	<u>Giá dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá hợp lý</u>	<u>Giá dự phòng</u>
a. Chứng khoán kinh doanh	912.121.740	765.502.250	149.451.740	904.986.855	811.953.000	93.033.855
Công ty CP Sông Đà 5	76.767.750	79.600.000		245.044.665	177.000.000	68.044.665
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	835.353.990	685.902.250	149.451.740	659.942.190	634.953.000	24.989.190
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	126.305.028.330	8.380.028.330				
b1. Ngắn hạn	126.305.028.330	8.380.028.330				
- Tiền gửi có kỳ hạn	126.305.028.330	8.380.028.330				
b2. Dài hạn						
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.051.100.980	6.940.120.000	22.110.980.980	49.051.100.980	25.771.920.000	23.279.180.980
c1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.046.120.000	3.046.120.000		23.046.120.000	23.046.120.000	
Công ty CP PT Tây Đô	3.046.120.000	3.046.120.000		3.046.120.000	3.046.120.000	
Công ty TNHH MTV ĐT&PT NN Hà Nội				20.000.000.000	20.000.000.000	
c2. Đầu tư vào đơn vị khác (dài hạn)	26.004.980.980	3.894.000.000	22.110.980.980	26.004.980.980	2.725.800.000	23.279.180.980
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	26.004.980.980	3.894.000.000	22.110.980.980	26.004.980.980	2.725.800.000	23.279.180.980

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.760.368.291	26.460.534.985
Phải thu về hoạt động kinh doanh bất động sản	4.784.153.455	13.939.032.611
Phải thu về hoạt động thi công Xây lắp	5.197.535.112	11.591.502.374
Phải thu hoạt động khác	778.679.724	930.000.000
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	8.788.020.000	
Phải thu về hoạt động kinh doanh bất động sản	8.788.020.000	
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Cộng	19.548.388.291	26.460.534.985

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	65.348.643.947	79.648.490.980
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN phải thu người lao động		272.549.665
Tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án	4.821.921.600	4.653.222.925
Thu thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Lideco 1	5.562.500.000	9.562.500.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	300.000.000	169.071.896
Các khoản phải thu khác	13.858.287.922	1.210.471.237
Tiền tạm ứng	40.805.934.425	63.780.675.257
b. Dài hạn		
Cộng	65.348.643.947	79.648.490.980

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	10.230.099.228	14.218.078.468
Chi phí SXKD dở dang HĐ BĐS	1.008.662.206.460	1.026.752.519.253
+ Dự án Xuân Đình	10.731.253.192	10.731.253.192
+ Dự án Dịch Vọng	312.396.660.089	288.267.339.398
+ Dự án Bắc Quốc lộ 32	607.489.230.344	661.607.038.500
Chi phí đầu tư hạ tầng	184.756.654.996	184.452.022.936
Chi phí xây dựng nhà LK, BT	422.732.575.348	477.155.015.564
+ Các dự án khác	78.045.062.835	66.146.888.163
Chi phí SXKD dở dang HĐ xây lắp	24.431.343.643	14.546.018.415
Cộng	1.043.323.649.331	1.055.516.616.136

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	45.823.375.318	4.800.449.208	13.261.252.181	827.641.915	64.712.718.622
Tăng trong kỳ do mua mới	115.333.324			35.454.545	150.787.869
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo TT 45/2013/TT-BTC		294.158.324		80.807.138	374.965.462
Số cuối kỳ	45.938.708.642	4.506.290.884	13.261.252.181	782.289.322	64.488.541.029
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.776.382.316	4.082.077.147	8.701.326.694	685.946.885	20.245.733.042
Tăng trong kỳ do khấu hao	1.229.994.124	193.749.438	1.026.849.799	35.142.428	2.485.735.789
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo TT 45/2013/TT-BTC	41.666.664	179.121.703		110.599.986	331.388.353

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà N09B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối kỳ	<u>7.964.709.776</u>	<u>4.096.704.882</u>	<u>9.728.176.493</u>	<u>610.489.327</u>	<u>22.400.080.478</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>39.046.993.002</u>	<u>718.372.061</u>	<u>4.559.925.487</u>	<u>141.695.030</u>	<u>44.466.985.580</u>
Số cuối kỳ	<u>37.973.998.866</u>	<u>409.586.002</u>	<u>3.533.075.688</u>	<u>171.799.995</u>	<u>42.088.460.551</u>

7. Bất động sản đầu tư

Là nhà Công ty sở hữu tại tòa nhà CT1 Xuân Đình.

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
- Nguyên giá	4.865.896.002		1.013.428.857	3.852.467.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.189.653.184)	217.959.072	481.378.702	(1.926.233.554)
- Giá trị còn lại	<u>2.676.242.818</u>	<u>217.959.072</u>	<u>1.494.807.559</u>	<u>1.926.233.591</u>

Giảm nguyên giá do trong kỳ : Trong quý 1/2015 Công ty đã bán căn hộ số 903 toà nhà CT1 Xuân Đình

8. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dài hạn		
Chi phí bảo trì tòa nhà N09B2		59.420.279
Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	277.437.719	279.260.591
Bản quyền phần mềm Winpro	128.561.164	71.355.200
Cộng	<u>405.998.883</u>	<u>410.036.070</u>

9. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhà cung cấp HĐ Bất động sản	10.816.890.604	19.266.476.402
Nhà cung cấp HĐ Xây lắp	18.070.000	1.469.488.700
Nhà cung cấp HĐ khác		14.400.000
Dài hạn		
Cộng	<u>10.834.960.604</u>	<u>20.750.365.102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Điều chỉnh giảm	Số phải nộp lũy kế trong kỳ	Số đã nộp lũy kế trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	4.756.620.235		8.419.275.266	6.385.996.716	6.789.898.785
Thuế TNDN	9.962.085.039		7.101.848.039	9.541.788.627	7.522.144.451
- Thuế TNDN theo KQKD	8.603.102.373		6.248.010.239	8.182.805.961	6.668.306.651
- Thuế TNDN kê khai theo tiến độ thu tiền	1.358.982.666		853.837.800	1.358.982.666	853.837.800
Thuế TN cá nhân	3.066.530.417		224.479.268	2.902.045.758	388.963.927
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	64.480.637.116		3.000.000	16.123.159.279	48.360.477.837
Thuế, phí khác			791.299.351	322.147.000	469.152.351
Tổng cộng	82.265.872.807		16.539.901.924	35.275.137.380	63.530.637.351

11. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí các công trình xây lắp	2.544.256.200	3.645.891.360
Chi phí khác		468.997.736
Dài hạn		
Cộng	2.544.256.200	4.114.889.096

12. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	46.695.001.276	41.025.667.396
Kinh phí công đoàn, ĐPCĐ	49.438.820	82.139.878
BHXH, BHYT, BHTN, ...	84.743.500	7.080.304
Phải trả XNĐN	920.025.985	
Phải trả các đội xây dựng	44.254.767.410	38.032.398.335
Phải trả cổ đông tiền cổ tức năm 2012	15.276.000	15.276.000
Khách hàng nộp thừa	320.683.500	
Phải trả khác	1.050.066.061	2.888.772.879
Dài hạn	66.237.144.556	60.539.717.129
Công ty Cổ phần Trung Tín (Tiền vốn góp DA Xuân Đình)	10.860.233.000	10.860.233.000
Công ty Cổ phần Hà Đô (bằng tiền và sản lượng thi công dự án khu ĐTM Dịch Vọng)	45.585.644.578	39.219.658.034
Công ty CP XD Phúc Hưng Holdings (tiền vốn góp DA X3 - Mỹ Đình)	2.178.056.000	2.178.056.000
Kinh phí phải trả các toà nhà	7.394.710.978	8.083.270.095
Phải trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	218.500.000	198.500.000
Phải trả các đội xây dựng		
Phải trả khác		
Cộng	112.932.145.832	101.565.384.525

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

13. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền trả trước về cho thuê tầng 1 toà nhà NO9B1 và NO9B2 phân bổ dần trong 50 năm

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Thuê văn phòng Toà nhà NO6B2		15.613.511
b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Tầng 1 toà nhà NO9B1	18.407.402.600	18.608.174.612
Tầng 1, 2 toà nhà NO9B2	11.892.801.947	12.024.999.217
Số dư cuối kỳ	<u>30.300.204.547</u>	<u>30.648.787.340</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi ích cổ đông thiểu số	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	636.000.000.000	8.994.035.440	(139.616.197.028)	22.607.418.726	45.416.879.363	11.363.709.731	276.981.509.765	861.747.355.997
Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2015						135.018.081	21.933.853.152	22.068.871.233
Trích lập các quỹ theo NQĐHĐCĐ 2015				1.800.000.000	1.800.000.000		(3.600.000.000)	
Trích lập các quỹ trong kỳ này tại công ty con				5.390.032	2.695.016	(33.661.282)	(27.267.224)	(52.843.458)
Trả cổ tức năm 2014						(220.500.000)		(220.500.000)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty mẹ							(361.733.357)	(361.733.357)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty con						(12.946.647)	(13.475.082)	(26.421.729)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi							(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Số dư cuối năm	636.000.000.000	8.994.035.440	(139.616.197.028)	24.412.808.758	47.219.574.379	11.231.619.883	293.112.887.254	881.354.728.686

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	636.000.000.000	636.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	8.994.035.440	8.994.035.440
Cổ phiếu quỹ	(139.616.197.028)	(139.616.197.028)
Cộng	505.377.838.412	505.377.838.412

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.600.000	63.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	63.600.000	63.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	2.610.050	2.610.050
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	60.989.950	60.989.950
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình KD
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2015.

1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	18.016.826.183	10.529.981.821
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	82.818.708.298	47.420.320.901
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.404.534.200	1.189.876.545
Cộng	102.240.068.681	59.140.179.267

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
Giá vốn của hoạt động xây lắp	15.881.951.503	9.567.663.043
Giá vốn của hoạt động kinh doanh Bất động sản	53.781.788.218	35.558.719.213
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	711.726.870	1.799.403.955
Cộng	70.375.466.591	46.925.786.211

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ này năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	704.932.630	1.264.163.750
Cộng	704.932.630	1.264.163.750

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí lãi vay		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(142.895.522)	7.997.012.815
Chi phí tài chính khác		
Cộng	(142.895.522)	7.997.012.815

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí tiền lương,... cho CBCNV	1.299.822.906	1.144.566.819
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	74.280.583	
Chi phí khấu hao TSCĐ	744.375.298	728.134.222
Thuế, phí, lệ phí	633.166.954	58.540.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.159.871.951	771.216.411
Chi phí khác	1.235.527.354	2.286.693.490
Cộng	5.147.045.046	4.989.151.853

6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	142.382.000	41.885.712
Thu nhập khác		
Cộng	142.382.000	41.885.712

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.650.662.969	314.027.408
Chi phí khác		
Cộng	5.650.662.969	314.027.408

8. Lợi nhuận sau thuế TNDN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	400.192.711	45.276.720
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	20.069.986.299	265.471.668
Cộng	20.470.179.010	310.748.388

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý II/2015 so với quý II/2014 tăng :

Tương ứng với tỷ lệ giảm là 6487 %

20.159.430.622**Nguyên nhân:**

Nguyên nhân là do trong quý 2/2015 công ty đã ghi nhận doanh thu bán hạ tầng của 02 căn Biệt thự và ghi nhận doanh thu xây dựng các căn nhà vườn do thu đủ tiền và bàn giao nhà cho khách hàng dẫn đến lợi nhuận quý 2/2015 tăng mạnh so với quý 2/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý này	Luỹ kế
Tiền lương	388.450.591	776.901.182
Phụ cấp		
Cộng	388.450.591	776.901.182

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ				
Phải trả người bán	10.834.960.604			10.834.960.604
Các khoản phải trả khác	46.695.001.276	66.237.144.566		112.932.145.842
Cộng	57.529.961.880	66.237.144.566		123.767.106.446

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A tòa nhà NO9B1, KĐT mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP QUÝ II VÀ NĂM 2015

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2015 (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư

Người lập biểu

Kế toán trưởng

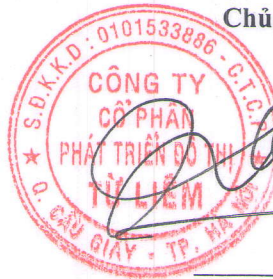
Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Văn Quân

Đỗ Huy Khải



Nguyễn Văn Kha